

Số: /BC-UBND

Lộc Bình, ngày 12 tháng 06 năm 2018

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  
DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**

Xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

**A. GIỚI THIỆU CHUNG**

**1. Vị trí địa lý**

Xã Lộc Bình có diện tích tự nhiên 2740,38 ha gồm 4 thôn cách trung tâm huyện Phú Lộc 12 km về phía Đông Nam địa giới hành chính huyện Phú Lộc, được giới hạn trong tọa độ địa lý từ 16°17'14" – 16°21'14" độ vĩ Bắc, 107°53'02" – 107° 58'48" độ kinh Đông.

-Phía Bắc giáp cửa Tư Hiền (xã Vinh Hiền)

-Phía Nam giáp: thôn Phước Tượng, xã Lộc Trì

-Phía Đông giáp: xã Lộc Vĩnh

-Phía Tây giáp: đầm Cầu Hai

**2. Địa hình**

Địa hình xã Lộc Bình khá phức tạp, trải dài hơn 15 km được phân chia thành 04 thôn (thôn Tân An, thôn Mai Gia Phường, thôn Hòa An, thôn Tân An Hải) và 3 vùng cụ thể gồm: vùng núi cao, vùng đồng bằng và vùng ven sông đầm (riêng thôn Tân An Hải có đoạn giáp biển khoảng 4km trải dài từ cửa Tư Dung đến giáp xã Lộc Vĩnh)

**3. Hiện trạng dân số**

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Tân An	46	27	19	139		
2	Mai Gia Phường	37	18	19	103		
3	Hòa An	53	31	22	166		
4	Tân An Hải	123	33	90	339		
	<b>Tổng</b>	<b>259</b>	<b>109</b>	<b>150</b>	<b>747</b>		

**4. Hiện trạng sử dụng đất đai**

TT	Loại đất (ha)	Số
----	---------------	----

		<b>lượng (ha)</b>
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	2740.38
<b>1</b>	<b>Nhóm đất Nông nghiệp</b>	1265.22
<b>1.1</b>	<b>Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp</b>	111.4
1.1.1	Đất lúa nước	57
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	20
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	34.4
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	11.35
<b>1.2</b>	<b>Diện tích Đất lâm nghiệp</b>	1055
1.2.1	Đất rừng sản xuất	1035
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	20
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
<b>1.3</b>	<b>Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản</b>	30
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	15.12
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	14.82
<b>1.4</b>	<b>Đất làm muối</b>	
<b>1.5</b>	<b>Diện tích Đất nông nghiệp khác</b> (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	1365.81
<b>3</b>	<b>Diện tích Đất chưa sử dụng</b>	1.6

## B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

### 1. Sơ họa bản đồ



## 2. Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa

THIÊN TAI	XU HƯỚNG	TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TÔN THƯƠNG	NĂNG LỰC PCTT	RỦI RO THIÊN TAI
<b>Bão kéo theo lụt, thủy triều dân</b>	<p>- Ngày càng tăng về số lượng cơn bão.</p> <p>- Theo dự báo thì bão ngày càng mạnh, tuy nhiên ở địa phương chưa bị ảnh hưởng trực tiếp do tâm bão, chỉ</p>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khoảng 23% nhà ở ven sông đầm chịu ảnh hưởng của lũ do mưa bão:</li> <li>+ Thôn Tân An: có 15 nhà</li> <li>+ Thôn MGP: có 20 nhà</li> <li>+ Thôn Hòa An: có 25 nhà</li> <li>+ Thôn Tân An Hải: 65 nhà</li> <li>- Khoảng 84% nhà ở bán kiên cố, 10 nhà tạm (chiếm 1.8%, MGP 2 nhà, Hòa An 5 nhà, TAH 3 nhà).</li> <li>- Có 65 hộ phải sơ tán khi có sạt lở (Tân An 12 hộ, Mai Gia Phường 24 hộ, Hòa An 17 hộ, Tân An Hải 12 hộ).</li> <li>- Trạm y tế thiếu phương tiện, trang thiết bị, đường từ các thôn dẫn đến trạm y tế xã khá xa đi lại khó khăn.</li> <li>- Đường điện dây nhỏ, dây trần, kéo dài,</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoảng 15% nhà ở kiên cố đảm bảo cho công tác sơ tán, trú ẩn của bà con.</li> <li>- Tất cả các thôn đều có lực lượng cơ động, xung kích đảm bảo kịp thời giúp đỡ bà con sơ tán, chằng chống, gia cố nhà cửa. Lực lượng này đa số đã được tham gia lớp tập huấn nâng cao kỹ năng ứng cứu, sơ cứu người khi đuối nước.</li> <li>- Phương tiện giao thông đảm bảo công tác sơ tán, ứng cứu (07 xe ben, 01 xe xúc, 08 ô tô các loại, 01 thuyền cứu hộ và hơn 280 thuyền lớn nhỏ của ngư dân), 06 máy cưa, áo phao 45 cái, phao cứu sinh 80 cái phân đều cho các thôn.</li> <li>- Có 01 hệ thống truyền thanh (08 cụm loa: Tân An 01 cụm, Mai Gia</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà có nguy cơ tốc mái, sập, mất mát tài sản.</li> <li>- Giao thông: Đường đất lầy lội, nhỏ hẹp, khó khăn trong lúc vận chuyển di dời tài sản (Xóm tân Bình).</li> <li>- Người dân không nắm thông tin kịp thời các kế hoạch phòng chống bão của UBND xã</li> <li>- Trẻ em có nguy cơ đuối nước ở vùng ngập lụt</li> </ul>

	<p>chịu ảnh hưởng ở vùng gần tâm bão.</p>	<p>dễ bị đứt, chập điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường liên xã, liên thôn hiểm trở, độ dốc cao, dễ bị sạt lở</li> <li>- Hệ thống truyền thanh hữu tuyến dễ bị đứt do dây dẫn nhỏ, trụ yếu, cây cối nhiều. Thôn Tân An Hải có 02 cụm loa tuy nhiên 01 cụm loa tại xóm Đồng Đò đã hư hỏng, địa hình thôn khá phức tạp, trải dài nên không đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin của người dân.</li> <li>- Tỷ lệ &gt;45% gồm: người già, trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ đơn thân, mang thai chiếm. Đặc biệt số trẻ em trong độ tuổi từ 1 đến 7 tuổi không biết bơi khá nhiều.</li> <li>- Hệ thống đường bê tông tại xóm Ngoài thôn Mai Gia Phường thấp dễ bị ngập lụt gây nguy hiểm trong việc đi lại của người dân.</li> </ul>	<p>Phường 02 cụm, Hòa An 03 cụm, Tân An Hải 02 cụm), 5 loa cầm tay được trang bị cho các thôn. Đặc biệt 100% hộ dân đều có điện thoại di động, 07 trạm thu phát viễn thông (thôn Mai Gia Phường 2 trạm, Hòa An 03 trạm, Tân An Hải 02 trạm) đảm bảo thông tin liên lạc khi cần thiết.</p>	
--	---	--	---	--

	<p><b>2. Sản xuất kinh doanh</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nông nghiệp: hoa màu, lúa gần các khe suối dễ bị cát vùi lấp do mưa bão</li> <li>+ Thôn Tân An: khoảng 4.5 ha quanh khu vực khe suối Đình làng, các khe ở núi Gành Quện</li> <li>+ Thôn Mai Gia Phường: khoảng 7 ha quanh khu vực khe Đá Bàn, khe Xoài.</li> <li>+ Thôn Hòa An: khoảng 10 ha quanh khu vực khe Mệ.</li> <li>+ Vào cuối tháng 9-10 thường có mưa lớn, lốc xoáy gây hư hại cho phần lớn diện tích lúa Hè Thu chưa thu hoạch.</li> <li>+ Các công trình thủy lợi dễ bị hư hại.</li> <li>- Lâm nghiệp: cây trà, keo dễ gãy, đổ do gió bão</li> <li>+ Thôn Tân An: khoảng 8 ha</li> <li>+ Thôn Mai Gia Phường: khoảng 7 ha</li> <li>+ Thôn Hòa An: khoảng 10 ha</li> <li>+ Thôn Tân An Hải: 13 ha</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất kinh doanh</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh nghiệm chọn giống của người dân khá phong phú phần nào làm giảm thiệt hại khi mùa mưa bão đến.</li> <li>- Công trình thủy lợi &gt;75% được bê tông hóa.</li> <li>- Người dân, chính quyền địa phương tích cực tìm nguồn tiêu thụ với mức giá hợp lý trước mùa mưa bão để hạn chế thiệt hại.</li> <li>- Gia cố bờ đê hồ, giăng lưới bảo vệ giảm thất thoát khi vỡ đê hồ. Có máy phát điện đảm bảo cung cấp đủ điện cho ao nuôi.</li> <li>- Chọn giống nuôi phù hợp, thu hoạch trước mùa mưa bão.</li> <li>- Gia cố, thay mới ngư cụ vào mùa mưa bão.</li> <li>- Tập huấn, tuyên truyền nâng cao</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất kinh doanh</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rừng gậy: Giá thành giảm, trọng lượng giảm.(Cây bị khô)</li> <li>- Nò sáo: Dễ hư hỏng, cuốn trôi ngư lưới cụ.</li> <li>- Ghe thuyền: Có nguy cơ bị gió đập vỡ, chìm, cuốn trôi (Không có nơi neo đậu an toàn).</li> <li>- Tôm: Chậm lớn, dịch bệnh, thất thoát do vỡ đê.</li> <li>- Đánh bắt thủy sản: Hư hỏng, mất mát dụng cụ, phương tiện. giá sản phẩm giảm.</li> </ul>
--	--	---	--

	<p>- Ngư nghiệp: diện tích nuôi trồng thủy sản 30 ha (hồ nuôi tôm cá, mặt nước nuôi cá lồng)</p> <p>+ Các ao nuôi có nguy cơ bị vỡ đê gây thất thoát, mất mát khoảng 11 ha hồ thấp triều. 7 ha tôm có nguy cơ thiếu ô xi khi mất điện.</p> <p>+ Cá nuôi lồng thả vào tháng 3-4 có nguy cơ chết do ngọt hóa, ô nhiễm môi trường nước do nước nguồn về có hòa tan đất đỏ bazan.</p> <p>+ Có 71 trọt sáo trải đều 3 thôn (thôn Mai Gia Phường, thôn Hòa An và xóm Tân Bình thuộc thôn Tân An Hải), 17 trọt đáy thuộc xóm An Bình thôn Tân An Hải có nguy cơ bị hư hỏng, mất mát do gió bão kết hợp nước lũ chảy mạnh.</p> <p>+ Lao động nam giới có nguy cơ nguy hiểm đến tính mạng trong mùa mưa bão do tính chất nghề nò sáo, nghề đáy phải khai thác khi bão vừa đi qua.</p>	<p>ý thức, bảo vệ tính mạng.</p> <p>- 01 âu thuyền tại thôn Mai Gia Phường đảm bảo neo đậu cho hơn 50 thuyền.</p>	
--	--	---	--

	<p>+ Khoảng 230 thuyền lớn nhỏ chưa có nơi neo đậu an toàn trong đó: thôn Mai Gia Phường có khoảng 65 thuyền, thôn Hòa An có 35 thuyền, thôn Tân An Hải 130 thuyền.</p>		
	<p><b>3. Vệ sinh môi trường</b>  <b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoảng 5% hộ dân sống ven sông đầm chưa có nhà vệ sinh. Đặc biệt: thôn Mai Gia Phường khoảng 12 hộ, thôn Hòa An khoảng 5 hộ, thôn Tân An Hải khoảng 8 hộ.</li> <li>- Tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt 98%, tuy nhiên hệ thống nước sạch chỉ được dẫn từ các nguồn trên núi cao về các bể chứa để cung cấp cho người dân nên mùa mưa bão thường bị ô nhiễm bởi đất đỏ bazan.</li> <li>- Hệ thống đường bê tông tại xóm Ngoài thôn Mai Gia Phường thấp dễ bị ngập lụt dẫn đến các bệnh ngoài da cho người dân về mùa mưa bão.</li> </ul>	<p><b>3. Vệ sinh môi trường</b>  <b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 trạm y tế (01 bác sĩ, 01 y sĩ đông y, 03 điều dưỡng), các thôn đều có cán bộ y tế thôn bản có trang bị hộp thuốc.</li> <li>- 95% hộ dân có nhà vệ sinh</li> <li>- Lượng cloramin B được cung cấp đầy đủ để xử lý nước khi cần thiết.</li> </ul>	<p><b>3. Vệ sinh môi trường</b>  <b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm môi trường</li> <li>- Con người: Nguy cơ bệnh ngoài da đối với người tham gia trực tiếp lao động trên sông đầm, trẻ em dễ bị tiêu chảy</li> </ul>

### 3. Lịch sử thiên tai

Tháng/ năm	Loại thiên tai	Đặc điểm xu hướng thiên tai	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì	Tại sao bị thiệt hại	Đã làm gì để PCTT
T9/2006	Bão xang se	Lốc xoáy, Gió giật cấp 12	Trên địa bàn xã	<b>ATCD:</b> - Nhà sập: 2 cái.(mai gia phường) - Nhà tóc mái: TÂN AN: 80% MGP:80% Hòa an: 40% TAH: 70%. Người bị thương:3 người(TA:1, MGP:2 )	<b>ATCD:</b> -Nhà tạm -Lợp tôn broximang - chèn chống không đảm bảo.	- Tuyên truyền thông tin cho bà con biết về bão. - Đã phân công BCH, tổ xung kích về các thôn
				<b>SXKD:</b> - Rừng trồng bị thiệt hại. - Nò sáo hư hại 80%. - Giao thông bị ách tắc trên tuyến đường 49b. - Ruông bị cát lấp. - Nghè đá bị cuốn trôi. - Ghe thuyền chìm 5 chiếc. - Hoa màu cây ăn quả bị thiệt hại. 50%.	<b>SXKD:</b> - Rừng ở khu vực đồi cao. - sóng to,nước chảy xiết, gió giật mạnh. - nò sáo cố định tại chỗ. - Sạt lở đất, cây cối gãy - Ruộng gần khe,	- Dẫn nò, sáo. - Chặt cây ven đường. - Khơi thông dòng chảy. - Tận thu sớm.



				- Cá lòng chết: 40%.	suối. -Đặt nghề khi mưa bão về - Không có âu thuyền neo đậu.. - Trông gần khe suối - Do nước ngọt hóa.	
				<b>VSMT:</b> - Giếng nước bị bẩn do rác, gia súc chết. - Sốt, tiêu chảy nhẹ	<b>VSMT:</b> - Do người đi làm tiếp xúc nước bạc.	- Có thuốc khử trùng. - Có y tế cấp phát thuốc
T9/2009	Bão ket sana	Gió cấp 8-10	Trên địa bàn 2 thôn	<b>ATCĐ:</b> - Nhà tóc mái: Hòa an: 20% TAH: 15%.	<b>ATCĐ:</b> -Nhà tạm -Lợp tôn broximang - chèn chống không đảm bảo.	- Tuyên truyền thông tin cho bà con biết về bão. - Đã phân công BCH, tổ xung kích về các thôn
				<b>SXKD:</b> - Rừng trồng bị thiệt hại. - Ruộng bị cát lấp. - Nghề đày bị cuốn trôi. - Hoa màu cây ăn quả bị thiệt hại. 50%. - Cá lòng chết: TAH: 20%	<b>SXKD:</b> - Rừng ở khu vực đồi cao. - Ruộng gần khe, suối. - Đặt nghề khi mưa bão về - Trông gần khe suối - Do nước ngọt hóa.	-Dẫn cọc nghề. - Khơi thông dòng chảy. - Tận thu sớm.
				<b>VSMT:</b>	<b>VSMT:</b>	- Có thuốc khử trùng.

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giếng nước bị bẩn do rác, gia súc chết.</li> <li>- Sốt, tiêu chảy nhẹ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do người đi làm tiếp xúc nước bạc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có y tế cấp phát thuốc</li> </ul>
T9/ 2013	Bão	Gió cấp 9-11	Địa bàn toàn xã	<b>ATCD:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà sập: 2 cái.(Hòa an 1, TAH 1)</li> <li>- Nhà tóc mái: TÂN AN: 30%</li> <li>MGP:30%</li> <li>Hòa an: 20%</li> <li>TAH: 30%.</li> <li>- Ách tắt giao thông</li> </ul>	<b>ATCD:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhà tạm</li> <li>-Lợp tôn broximang</li> <li>- chèn chống không đảm bảo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền thông tin cho bà con biết về bão.</li> <li>- Đã phân công BCH, tổ xung kích về các thôn</li> <li>- Chặt cây ven đường</li> </ul>
				<b>SXKD:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rừng trồng bị thiệt hại.</li> <li>- Ruộng bị cát lấp.</li> <li>- Hoa màu cây ăn quả bị thiệt hại. 30%.</li> <li>- Cá lồng chết: 40%.</li> <li>- Nguồn lợi thủy sản trên đầm, phá bị chết.</li> <li>- Ngập, Vỡ đê hồ tôm.</li> </ul>	<b>SXKD:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ruộng gàn khe, suối.</li> <li>- Trồng gàn khe suối</li> <li>- Do nước ngọt hóa.</li> <li>- Đê đất, yếu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khởi thông dòng chảy</li> <li>- Tận thu sớm.</li> <li>- Sửa chữa, gia cố đê đập</li> </ul>
				<b>VSMT:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giếng nước bị bẩn do rác, gia súc chết.</li> <li>- Sốt, tiêu chảy nhẹ</li> </ul>	<b>VSMT:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Do rác thải các nơi khác về.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuốc khử trùng.</li> <li>- Có y tế cấp phát thuốc</li> </ul>
T11/2017	Bão	- kèm	Toàn xã	<b>ATCD:</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lượng mưa lớn,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền thông tin</li> </ul>

		theo mưa lớn kéo dài		- Đường giao thông bị xói mòn.	nước đổ về nhiều.	cho bà con biết về bão. - Đã phân công BCH, tổ xung kích về các thôn Khơi thông dòng chảy
				<b>SXKD:</b> - Rừng trồng bị thiệt hại. - Ruông bị cát lấp. - Hoa màu ,cây ăn quả bị thiệt hại. 30%. - Cá lồng chết: 70%. - Nguồn lợi thủy sản trên đầm, phá bị chết.	- Ruộng gàn khe, suối. - Trông gàn khe suối	- Tận thu sớm. - Thả cá giống xuống đầm phá để tái tạo lại nguồn lợi thủy sản
				<b>VSMT:</b> Ô nhiễm môi trường nước	- Do nước ngọt hóa. -Do rác thải các nơi khác về.	- Có thuốc khử trùng. - Có y tế cấp phát thuốc

#### 4. Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương					
		Trẻ em dưới 16	Phụ nữ có thai	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa	Người bị bệnh hiểm nghèo
1	Tân An	40	8	65	11	1	2
2	Mai Gia Phường	165	15	92	10	0	7
3	Hòa An	264	25	152	25	5	9
4	Tân An Hải	251	27	132	12	0	8
<b>Tổng</b>		<b>720</b>	<b>75</b>	<b>441</b>	<b>58</b>	<b>6</b>	<b>26</b>

#### 5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trường mầm non	Phòng	11	Cao		Thấp
2	Trường học tiểu học và Trung học cơ sở	Phòng	16	Cao		Thấp
3	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	01	Cao		Thấp
4	Đường điện	Km	16.8	TB		TB
5	Đường giao thông	Km	30.7	TB		TB
6	Trụ sở UBND	Phòng	17	Cao		Thấp
7	Nhà văn hóa xã/thôn	Nhà	03	TB		TB
8	Chợ	Cái	01	TB		TB

#### 6. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố (cả 3 phần: mái, cột, làm bằng VLBC)	Nhà bán kiên cố (2 trong 3 phần làm bằng VLBC)	Nhà thiếu kiên cố (1 trong 3)	Nhà đơn sơ/tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt)
----	----------	-------	--	--	-------------------------------	-------------------	------------------------------------

			tường làm bằng VLBC)		phần làm bằng VLBC)	(không có phần nào làm bằng VLBC)	lở, lũ quét, v.v)
1	Tân An	81	7	47		0	15
2	Mai Gia Phường	120	20	61		2	20
3	Hòa An	210	21	183		5	25
4	Tân An Hải	213	31	177		3	65
	<b>Tổng</b>	<b>624</b>	<b>80</b>	<b>468</b>		<b>10</b>	<b>125</b>

### 7. Số lượng nhà ở trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH
1	<i>Nhà đơn sơ/tạm bợ</i>		
	Thôn Tân An	0	
	Thôn Mai Gia Phường	2	
	Hòa An	5	
	Tân An Hải	3	
2	<i>Nhà bán kiên cố</i>	210	
3	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>		
4	<i>Nhà kiên cố</i>	15	
	<b>Tổng số</b>		

### 8. Điều kiện nước sạch và vệ sinh môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Nhà vệ sinh			Nguy cơ xảy ra thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa		Tự hoại	Tạm	Không có	
Tân An	81	30	0	0						
MG	120	55	0	0						

P									
Hòa An	210	90	0	1					
TAH	213	120	0	2					
<b>Tổng</b>	<b>624</b>	<b>295</b>	<b>0</b>	<b>3</b>					

### 9. Y tế-nguyên cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
	<i>Sốt rét</i>					
	<i>Bốt rết</i>					
	<i>Viêm đường hô hấp</i>					
	<i>Tay chân miệng</i>					
	.....					
	.....					
	.....					

### 10. Y tế dự phòng – Khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Tân An		
2	MGP		
3	Hòa An		
4	TAH		

### 11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai, BĐKH

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
<i>Rừng ngập mặn</i>			
<i>Rừng trên cát</i>			

<i>Rừng tự nhiên</i>	145		145
<i>Rừng sản xuất</i>	1035	845	190
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng <b>ngập mặn</b> nhưng chưa trồng</i>	11		
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng <b>trên cát</b> nhưng chưa trồng</i>			
<b>Tổng</b>			

## 12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
<i>Rừng ngập mặn</i>			
<i>Rừng trên cát</i>			
<i>Rừng tự nhiên</i> <i>Rừng sản xuất</i> <i>Diện tích quy hoạch trồng rừng <b>ngập mặn</b> nhưng chưa trồng</i> <i>Diện tích quy hoạch trồng rừng <b>trên cát</b> nhưng chưa trồng</i>	Tràm, keo  Cây búng chua	Được qui hoạch tại các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	
<b>Tổng</b>			

## 13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)

				<b>Thấp)</b>	
1	Trồng trọt (ha) Lúa: Sắn: Khoai: Rau màu các loại:	130 20 20 10	58,6 tạ/ha 42 tạ/ha 42 tạ/ha 2 tấn/ha	Thấp	Trung bình
2	Chăn nuôi (con) Trâu: 45 Bò: 60 Lợn, gia cầm các loại: 7510	10 20 200		Thấp	Trung bình
3	Nuôi trồng thủy sản (ha): 30	20		Thấp	Trung bình
4	Đánh bắt hải sản (tấn):380	Tỷ lệ khoảng 60%		Thấp	Cao
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	04	420 triệu đồng/năm	Thấp	Trung bình
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)				
7	Du lịch				
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)	Chiếm 60%		Thấp	Cao

#### 14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	85
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	90
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	12
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ử, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	50
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều	Thôn/Tổng số thôn	4/4



	tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)		
--	--	--	--

### 15. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	04
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	02
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	15
	- Trong đó số lượng nữ	Người	2
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT	Người	2
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	33
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	5
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TUỖĐKH dựa vào cộng đồng	Người	
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	280
	- Áo phao	Chiếc	45
	- Loa	Chiếc	6
	- Đèn pin	Chiếc	35
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	5
	- Lều bạt	Chiếc	
	- Xe vận tải	Chiếc	15
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	
10	Khác....		

### C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RRTT/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

#### 1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</b>	<b>Thôn/S ố hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)</b>	<b>TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)</b>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)</b>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ	Tăng	- Đường giao thông liên thôn	Trung bình	Trung bình
			- Hệ thống thủy lợi	Trung bình	Trung bình
			- Nhà văn hóa thôn	Thấp	Cao
			- 01 điểm trường mầm non mới sửa chữa năm 2016 nhưng đã ngưng hoạt động	Trung bình	Trung bình
			- 01 điểm trường tiểu học đã ngưng hoạt động	Thấp	Cao
			- Hệ thống đường dây điện	Trung bình	Trung bình
	Mai Gia Phường/ 120 hộ	Giảm	- Đường giao thông	Trung bình	Trung bình
			- Hệ thống thủy lợi	Trung bình	Trung bình
			- Nhà văn hóa thôn	Trung bình	Trung bình
			- 01 điểm trường mầm non	Trung bình	Trung bình

			- 01 điểm trường tiểu học và trung học cơ sở	Trung bình	Trung bình
			- Hệ thống đường dây điện và 01 trạm biến áp	Trung bình	Trung bình
Hòa An/210 hộ	Giảm		- Đường giao thông	Trung bình	Trung bình
			- Hệ thống thủy lợi	Trung bình	Trung bình
			- Trụ sở UBND xã	Trung bình	Trung bình
			- Trường mầm non Lộc Bình	Cao	Thấp
			- Trường tiểu học và trung học cơ sở Lộc Bình	Cao	Thấp
			- Hệ thống đường dây điện và 02 trạm biến áp	Trung bình	Trung bình
Tân An Hải/213 hộ	Giảm		- Đường giao thông	Trung bình	Trung bình
			- Nhà văn hóa thôn	Trung bình	Trung bình
			- 01 điểm trường mầm non	Trung bình	Trung bình
			- 02 điểm trường tiểu học, 01 điểm đã ngưng hoạt động năm 2016	Trung bình	Trung bình
			- Hệ thống	Trung bình	Trung bình

			đường dây điện, 02 trạm biến áp		
--	--	--	---------------------------------	--	--

## 2. Kết quả đánh giá về nhà ở

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.v.)	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (tăng, giữ nguyên, giảm)	<b>TTDBTT/ Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH</b> (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ	Giảm	27	Trung bình	Cao
	Mai Gia Phường/ 120 hộ	Giảm	46	Trung bình	Cao
	Hòa An/210 hộ	Giảm	57	Trung bình	Cao
	Tân An Hải/ 213 hộ	Giảm	70	Trung bình	Trung bình

## 3. Kết quả đánh giá về nước sạch, vệ sinh môi trường

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (tăng, giữ nguyên, giảm)	<b>TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng</b> (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có	<b>Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (cao, trung bình, thấp)
--	-------------------	---	--	--	---

<i>hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>			<i>thiên tai)</i>		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ	Giảm	0	Cao	Thấp
	Mai Gia Phường/120 hộ	Giảm	10	Trung bình	Cao
	Hòa An/210 hộ	Giảm	0	Cao	Thấp
	Tân An Hải/ 213 hộ	Giảm	0	Cao	Thấp

#### 4. Kết quả đánh giá về y tế

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)</b>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ				
	Mai Gia Phường/120 hộ				
	Hòa An/210 hộ				
	Tân An Hải/ 213 hộ				

#### 5. Kết quả đánh giá về giáo dục

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b>	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp</b>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b>
---------------------------------	-------------------	--------------------------------------	---------------	---------------------------------------	------------------------------

<i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>		<i>nguyên, Giám)</i>		<b>dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	<i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ	Giám	- 01 điểm trường tiểu học và trung học cơ sở, đã dừng hoạt động 03 năm	Thấp	Cao
		Giám	- 01 điểm trường mầm non, tuy nhiên đã dừng hoạt động 03 năm	Trung bình	Trung bình
	Mai Gia Phường/120 hộ	Giám	- 01 điểm trường tiểu học và trung học cơ sở	Trung bình	Trung bình
			- 01 điểm trường mầm non	Trung bình	Trung bình
	Hòa An/210 hộ	Giám	- Trường tiểu học và trung học cơ sở cấp 1-2 Lộc Bình	Trung bình	Trung bình
			- Trường mầm non Lộc Bình	Trung bình	Trung bình
	Tân An	Giám	- 02 điểm	Thấp	Cao

	Hải/ 213 hộ		trường tiểu học và trung học cơ sở, 01 điểm đã dừng hoạt động 03 năm (xóm Hải Bình)		
			- 03 điểm trường mầm non, tuy nhiên 02 điểm (Điểm An Bình, Điểm Hải Bình) đã dừng hoạt động 09 năm	Thấp	Cao

## 6. Kết quả đánh giá về rừng

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)</i>	<b>Thôn.../ Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> <i>(Tăng, Giữ nguyên, Giảm)</i>	<b>TTDBTT</b> <i>(Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)</i>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TƯBĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ	Giảm	8 ha rừng sản xuất (loại cây: keo, trà)	Thấp	Cao
	Mai Gia	Giảm	7 ha rừng	Thấp	Cao

	Phường/120 hộ		sản xuất (loại cây: keo, trầm)		
	Hòa An/210 hộ	Giảm	10 ha rừng sản xuất (loại cây: keo, trầm)	Thấp	Cao
	Tân An Hải/ 213 hộ	Giảm	13 ha rừng sản xuất (loại cây: keo, trầm)	Thấp	Cao

### 7. Kết quả đánh giá về trồng trọt

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)</i>	<b>Thôn.../ Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> <i>(Tăng, Giảm nguyên, Giảm)</i>	<b>TTDBTT</b> <i>(Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)</i>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TƯBĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ	Giảm	4.5 ha lúa, hoa màu khu vực khe Đình làng, các khe khu vực Gành Quận	Trung bình	Trung bình
	Mai Gia Phường/120 hộ	Giảm	khoảng 7 ha lúa quanh khu vực khe Đá Bàn, khe Xoài	Trung bình	Trung bình
	Hòa An/210 hộ	Giảm	khoảng 10 ha hoa màu, lúa	Trung bình	Trung bình



			quanh khu vực khe Mệ.		
	Tân An Hải/ 213 hộ		Không ảnh hưởng, thiệt hại vì chỉ gieo trồng vào vụ Đông Xuân		

**8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi (Không thiệt hại về chăn nuôi):** Do đa số các hộ dân chỉ chăn nuôi theo hình thức gia trại, nhỏ lẻ

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	<b>TTDBTT</b> (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

**9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	<b>TTDBTT</b> (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai,	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)

<i>hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>			<i>BĐKH)</i>		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ	Trung bình	- 3 ha nuôi tôm	Thấp	Cao
	Mai Gia Phường/120 hộ	Trung bình	- 4 ha nuôi tôm	Thấp	Cao
		Trung bình	- 30 trộ sáo	Trung bình	Cao
		Cao	- 1 ha nuôi cá lồng	Trung bình	cao
	Hòa An/210 hộ	Trung bình	- 8 ha nuôi tôm	Trung bình	Cao
		Trung bình	- 15 trộ sáo	Trung bình	Cao
		Cao	- 1 ha nuôi cá lồng	Trung bình	Cao
	Tân An Hải/ 213 hộ	Trung bình	- 26 trộ sáo	Trung bình	Cao
		Cao	- 2 ha nuôi cá lồng	Trung bình	Cao

### 10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch

<b>Loại hình Thiên tai, BĐKH</b> <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan</i>	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> <i>(Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)</i>	<b>TTĐBTT</b> <i>(Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai,</i>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>

<i>hơn v.v.)</i>			<i>BĐKH)</i>		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

### 11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)</i>	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> <i>(tăng, giữ nguyên, giảm)</i>	<b>TTDBTT</b> <i>(Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)</i>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ				
	Mai Gia Phường/120 hộ				
	Hòa An/210 hộ				
	Tân An Hải/213 hộ	Trung bình	04 quán kinh doanh dịch vụ du lịch từ tháng 2 đến tháng 9. Trong đó: có 01 quán bị sập do sạt lở	Trung bình	Cao

**12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)</i>	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> <i>(Tăng, Giữ nguyên, Giảm)</i>	<b>TTDBTT</b> <i>(Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo chưa phù hợp)</i>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ	Tăng	- 81/81 hộ tiếp cận thông tin. 100% hộ có điện thoại di động đảm bảo tiếp nhận thông tin cảnh báo khi cần thiết của xã, thôn.	Trung bình	Thấp
	Mai Gia Phường/120 hộ	Tăng	120/120 hộ tiếp cận thông tin phát thanh. 100% hộ có điện thoại di động đảm bảo tiếp nhận thông tin cảnh báo khi cần thiết của xã, thôn.	Trung bình	Thấp
	Hòa An/210 hộ	Tăng	210/210 hộ tiếp cận thông tin phát thanh. 100% hộ có điện thoại di động đảm bảo tiếp nhận thông tin cảnh báo khi cần thiết của xã, thôn.	Trung bình	Thấp
	Tân An Hải/ 213 hộ	Tăng	50/213 hộ tiếp cận thông tin phát thanh	Trung bình	Thấp

			(xóm Tân Bình). 100% hộ có điện thoại di động đảm bảo tiếp nhận thông tin canh báo khi cần thiết của xã, thôn.		
--	--	--	---	--	--

**13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/ thích ứng  
BĐKH**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>	<b>Thôn/ Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> <i>(Tăng, Giữ nguyên, Giảm)</i>	<b>TTDBTT</b> <i>(Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BĐKH)</i>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐK H</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	Tân An/81 hộ	Giảm	Có hệ thống chính trị thôn, ban chỉ huy thôn. Xây dựng kế hoạch PCTT. Có đội xung kích 15 người ( trong đó có 12 nam, 03 nữ. Tổ chức tuyên truyền về phòng chống thiên tai, huy động lực lượng khi có thiên tai xảy ra, tổ chức triển khai kế hoạch, phân công các thành viên trong tổ, chỉ đạo lực ượng giúp dân di dời ở vùng thấp trũng và vùng sạt lở đến nơi an toàn. Công tác tuyên truyền bằng miệng kịp thời. Người dân ý thức được về phòng chống thiên tai	Thấp	Trung bình
	Mai Gia	Giảm	Có hệ thống chính trị thôn, ban chỉ huy thôn.	Thấp	Cao

	Phườn g/120 hộ		<p>Xây dựng kế hoạch PCTT. Có đội xung kích 15 người ( trong đó có 12 nam, 03 nữ. Tổ chức tuyên truyền về phòng chống thiên tai, huy động lực lượng khi có thiên tai xảy ra, tổ chức triển khai kế hoạch, phân công các thành viên trong tổ, chỉ đạo lực ượng giúp dân di dời ở vùng thấp trũng và vùng sạt lở đến nơi an toàn. Công tác tuyên truyền bằng miệng kịp thời. Người dân ý thức được về phòng chống thiên tai</p>		
	Hòa An/21 0 hộ	Giảm	<p>Có hệ thống chính trị thôn, ban chỉ huy thôn. Xây dựng kế hoạch PCTT. Có đội xung kích 15 người ( trong đó có 10 nam, 05 nữ. Tổ chức tuyên truyền về phòng chống thiên tai, huy động lực lượng khi có thiên tai xảy ra, tổ chức triển khai kế hoạch, phân công các thành viên trong tổ, chỉ đạo lực ượng giúp dân di dời ở vùng thấp trũng và vùng sạt lở đến nơi an toàn. Công tác tuyên truyền bằng miệng kịp thời. Người dân ý thức được về phòng chống thiên tai</p>	Thấp	Cao
	Tân An Hải/ 213 hộ	Tăng	<p>Có hệ thống chính trị thôn, ban chỉ huy thôn. Xây dựng kế hoạch PCTT. Có đội xung kích 15 người ( trong đó có 11 nam, 04 nữ. Tổ chức tuyên truyền về phòng chống thiên tai, huy động lực lượng khi có thiên</p>	Thấp	Cao

			<p>tai xảy ra, tổ chức triển khai kế hoạch, phân công các thành viên trong tổ, chỉ đạo lực ượng giúp dân di dời ở vùng thấp trũng và vùng sạt lở đến nơi an toàn.</p> <p>Công tác tuyên truyền bằng miệng kịp thời.</p> <p>Người dân ý thức được về phòng chống thiên tai</p>		
--	--	--	---	--	--

**14. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	<b>Thôn/Số hộ</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	<b>TTDBTT</b> (Số hộ dân/lực lượng lao động/tài sản có nguy cơ bị thiệt hại trong thiên tai và do BĐKH)	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)		<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)
Bão	Tân An/81 hộ					
	Mai Gia Phường/120 hộ					
	Hòa An/210 hộ					
	Tân An Hải/213 hộ					

**D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH**

<b>Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)</b>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b>	<b>TTDBTD</b>	<b>Nguyên nhân</b>	<b>Giải pháp</b>
<b>1</b>	Nhà ở có nguy cơ ảnh hưởng (sập, ngập, tốc mái)		- Một số nhà xây dựng chưa đúng quy trình kỹ thuật	- Xây dựng, nâng cấp nhà ở kiên cố
			- Người già nhiều ảnh hưởng đến khả năng gia cố chằng chống nhà cửa	- Chằng chống, gia cố nhà cửa mùa mưa bão
			- Gió bão lớn	- Ủy ban nhân dân xã thành lập Tổ Thanh niên xung kích giúp những hộ già, neo đơn.
			- Nhà yếu, nhà bán kiên cố 75% (nhà cấp 4, nhà lâu năm, nhà tạm không bê tông cốt thép)	- Trồng cây chắn gió, xây kè, khơi thông khe suối
			- Vị trí nhà ở và hướng gió ảnh hưởng chung trên toàn xã, ven khe suối	Trồng cây chắn gió, xây kè, khơi thông khe suối
			- Địa chất xấu, sạt lở khi đào đất, đào hố móng, do trời mưa	- Kiểm tra địa chất đất, gia cố xây tường ngăn không cho việc lở đất xảy ra, hạn chế xây nhà vào mùa mưa.



			- Không có khảo sát và biện pháp thi công	- Cần khảo sát kỹ và đào thăm dò
2	Lúa Đông Xuân bạc lá, chậm phát triển, chết phải gieo sạ lại		- Giống lúa chưa phù hợp với đất đai, thô nhưỡng và thiếu kinh phí	- Đề xuất hỗ trợ kinh phí chọn giống lúa phù hợp
			- Khâu quản lý Hợp tác xã không đưa lịch thời vụ kịp thời	- Hợp tác xã tập trung chỉ đạo, triển khai lịch thời vụ kịp thời
			- Chưa tham gia tập huấn đầy đủ (nông nghiệp IBM)	- Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng chăm sóc, bảo vệ lúa
3	Ô nhiễm môi trường		- Thải rác không đúng nơi quy định, phân loại rác chưa hợp lý	- Tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức cho người dân về cách phân loại rác thải tại nguồn.
			- Người dân thiếu ý thức trong vấn đề vệ sinh	- Xây nhà vệ sinh cho những hộ chưa có
			- Xác chết động vật, bèo, những loại rác ở nơi khác	- Tuyên truyền các hộ gia đình có ý thức phân loại, xử lý và huy động lực lượng cộng đồng
			- Ô nhiễm	- Làm vệ

			nguồn nước giếng đào, thiếu nước sạch sử dụng trong sinh hoạt	sinh, xử lý thuốc Clomin B, nạo vét khơi thông đầu nguồn nước
4	Phương tiện và khai thác thủy hải sản và nuôi trồng có thể bị thiệt hại (ghe, thuyền, ngư lưới cụ)		- Nơi neo đậu an toàn (không có âu thuyền)	- Quy hoạch, xây dựng thêm âu thuyền
			- Vỡ đê ao nuôi khi triều dâng kết hợp nước lũ về	- Gia cố bờ đê
			- Không thu gom ngư lưới cụ khi gió bão đến	- Gia cố, thay mới ngư cụ để hạn chế thiệt hại
5	Thiếu nước tưới tiêu hoa màu và lúa Hè Thu		- Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ đê đập, kênh mương (đục khoét kênh mương)	- Nâng cao ý thức bảo vệ kênh mương và có biện pháp xử lý đối với những đối tượng vi phạm
			- Chưa có hồ để dự trữ nước	- Đề xuất hỗ trợ kinh phí xây dựng hồ chứa nước
			- Đê đập, kênh mương chưa đảm bảo dẫn đến thất thoát nước	- Đề xuất hỗ trợ kinh phí sửa chữa đê đập, kênh mương.
			- Đoạn kênh mương bị vùi lấp chưa được nạo vét (từ nhà ông Toàn	- Hợp tác xã cần có kế hoạch nạo vét kênh mương trước vụ mùa.

			đến ông Thắng, thôn Hòa An)	
			- Nắng nóng kéo dài	- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý
			- Môi trường sinh thái bị phá hoại do nạn chặt phá rừng bừa bãi	- Trồng cây gây rừng khôi phục hệ sinh thái
			- Sử dụng và quản lý tài nguyên nước không hợp lý	- Mỗi người cần nhận thức rõ tầm quan trọng của nước để sử dụng một cách tiết kiệm
<b>6</b>	Lúa Hè Thu ngập úng, nảy mầm vào thời điểm thu hoạch		- Chọn giống vụ lúa Hè Thu không phù hợp thời vụ, kéo dài thời gian	- Chọn giống lúa ngắn ngày đưa vào gieo sạ để thu hoạch trước mùa mưa bão.
			- Giống xác nhận ngắn ngày giá cao, tỷ lệ đưa giống xác nhận vụ hè Thu còn thấp	- Tuyên truyền, vận động, khuyến khích, hướng dẫn bà con đưa lúa xác nhận vào vụ Hè Thu đạt hiệu quả cao

## 2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực	Các giải pháp đề xuất (theo số thứ tự ưu tiên của cộng	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời	Dài hạn (thời	

	<b>đồng)</b>			<i>gian thực hiện dưới 2 năm)</i>	<i>gian thực hiện trên 2 năm)</i>	
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	Quy hoạch xây dựng thêm âu thuyền	- Thôn Tân An Hải (xóm Tân Bình)	- Khảo sát vị trí, lấy ý kiến cộng đồng - Xây dựng kế hoạch, nhu cầu kinh phí - Vận động hiến đất.		X	Nhà nước
	Đề xuất hỗ trợ kinh phí sửa chữa kênh mương	- 3 thôn: Tân An, Mai Gia Phường, Hòa An	- Kiểm tra, rà soát các tuyến kênh mương hư hỏng, xuống cấp - Xây dựng kế hoạch nhu cầu kinh phí	X		Nhà nước
Nhà ở	- Sửa chữa, xây dựng mới nhà ở kiên cố hơn.	Toàn xã	- Rà soát, chọn đối tượng, lập sách ưu tiên. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về nhà ở an toàn	X		- Hộ dân - Nhà nước - Dự án

	- Chằng chống gia cố nhà cửa mùa mưa bão	Toàn xã	- Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao nhận thức. - Tập huấn kĩ thuật giá cố, chằng chống nhà cho người dân		X	- Dự án, người dân
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	- Tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người dân để biết cách phân loại rác	Toàn xã	- Lập kế hoạch phát thanh tuyên truyền - Lồng ghép vào các cuộc họp tại thôn, xã		X	
Thủy sản	Gia cố, thay mới ngư cụ trước mùa mưa bão	Toàn xã	- Kiểm tra các phương tiện, dụng cụ đánh bắt, nuôi trồng. - Chuẩn bị kinh phí mua mới, sửa chữa ngư lưới cụ.		X	- Hộ dân

## E. PHỤ LỤC BÁO CÁO

### Phụ lục 1. Phụ lục người tham gia đánh giá

<b>TT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số điện thoại</b>
1	Phan Bá Chiêm	PCT.UBND xã	0947733705
2	Nguyễn Biều	CHT. Ban CHQS	0932507538
3	Nguyễn Xuân Tuân	CC. VP-TK xã	0977155221
4	Nguyễn Chu	CC. ĐC-NN xã	0908630278
5	Nguyễn Văn Huyền	CC. ĐC-NN xã	0983800845
6	Huỳnh Chót	CC. VHXXH	0914418938
7	Lê Thị Huế	PCT. Hội LHPN	01223530207
8	Trần Đình Huy	CT. Hội ND	0983917663
9	Hoàng Văn Minh	CT. Hội CCB	0962408609
10	Lê Thị Mộng Linh	CT. Hội CTĐ	01654529800
11	Nguyễn Chính	CT. UBMTTQVN	0977199451
12	Ngô Văn Chính	TĐT trung đội DQ	0934154135
13	Đoàn Cử	TĐT thôn MGP	01698768488
14	Trương Dũng	TĐT thôn Hòa An	01646845404
15	Nguyễn Xuân Quang	TĐT thôn Tân An Hải	0976584509

**Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn  
 Công cụ 2: Lịch sử thiên tai**

Tháng/ năm	Loại thiên tai	Đặc điểm xu hướng thiên tai	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì	Tại sao bị thiệt hại	Đã làm gì để PCTT
T9/2006	Bão xang se	Lốc xoáy, Gió giật cấp 12	Trên địa bàn xã	<b>ATCĐ:</b> - Nhà sập: 2 cái.(mai gia phường) - Nhà tóc mái: TÂN AN: 80% MGP:80% Hòa an: 40% TAH: 70%. Người bị thương:3 người(TA:1, MGP:2 )	<b>ATCĐ:</b> -Nhà tạm -Lợp tôn broximang - chèn chống không đảm bảo.	- Tuyên truyền thông tin cho bà con biết về bão. - Đã phân công BCH, tổ xung kích về các thôn
				<b>SXKD:</b> - Rừng trồng bị thiệt hại. - Nò sáo hư hại 80%. - Giao thông bị ách tắc trên tuyến đường 49b. - Ruộng bị cát lấp. - Nghè đá bị cuốn trôi. - Ghe thuyền chìm 5 chiếc. - Hoa màu cây ăn quả bị thiệt hại. 50%.	<b>SXKD:</b> - Rừng ở khu vực đồi cao. - sóng to,nước chảy xiết, gió giật mạnh. - nò sáo cố định tại chỗ. - Sạt lở đất, cây cối gãy - Ruộng gần khe,	- Dẫn nò, sáo. - Chặt cây ven đường. - Khơi thông dòng chảy. - Tận thu sớm.

				- Cá lòng chết: 40%.	suối. -Đặt nghề khi mưa bão về - Không có âu thuyền neo đậu.. - Trông gần khe suối - Do nước ngọt hóa.	
				<b>VSMT:</b> - Giếng nước bị bẩn do rác, gia súc chết. - Sốt, tiêu chảy nhẹ	<b>VSMT:</b> - Do người đi làm tiếp xúc nước bạc.	- Có thuốc khử trùng. - Có y tế cấp phát thuốc
T9/2009	Bão ket sana	Gió cấp 8-10	Trên địa bàn 2 thôn	<b>ATCĐ:</b> - Nhà tóc mái: Hòa an: 20% TAH: 15%.	<b>ATCĐ:</b> -Nhà tạm -Lợp tôn broximang - chèn chống không đảm bảo.	- Tuyên truyền thông tin cho bà con biết về bão. - Đã phân công BCH, tổ xung kích về các thôn
				<b>SXKD:</b> - Rừng trồng bị thiệt hại. - Ruộng bị cát lấp. - Nghề đày bị cuốn trôi. - Hoa màu cây ăn quả bị thiệt hại. 50%. - Cá lòng chết: TAH: 20%	<b>SXKD:</b> - Rừng ở khu vực đồi cao. - Ruộng gần khe, suối. - Đặt nghề khi mưa bão về - Trông gần khe suối - Do nước ngọt hóa.	-Dẫn cọc nghề. - Khơi thông dòng chảy. - Tận thu sớm.
				<b>VSMT:</b>	<b>VSMT:</b>	- Có thuốc khử trùng.



				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giếng nước bị bẩn do rác, gia súc chết.</li> <li>- Sốt, tiêu chảy nhẹ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do người đi làm tiếp xúc nước bạc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có y tế cấp phát thuốc</li> </ul>
T9/ 2013	Bão	Gió cấp 9-11	Địa bàn toàn xã	<b>ATCD:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà sập: 2 cái.(Hòa an 1, TAH 1)</li> <li>- Nhà tóc mái: TÂN AN: 30%</li> <li>MGP:30%</li> <li>Hòa an: 20%</li> <li>TAH: 30%.</li> <li>- Ách tắt giao thông</li> </ul>	<b>ATCD:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhà tạm</li> <li>-Lợp tôn broximang</li> <li>- chèn chống không đảm bảo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền thông tin cho bà con biết về bão.</li> <li>- Đã phân công BCH, tổ xung kích về các thôn</li> <li>- Chặt cây ven đường</li> </ul>
				<b>SXKD:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rừng trồng bị thiệt hại.</li> <li>- Ruộng bị cát lấp.</li> <li>- Hoa màu cây ăn quả bị thiệt hại. 30%.</li> <li>- Cá lồng chết: 40%.</li> <li>- Nguồn lợi thủy sản trên đầm, phá bị chết.</li> <li>- Ngập, Vỡ đê hồ tôm.</li> </ul>	<b>SXKD:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ruộng gàn khe, suối.</li> <li>- Trồng gàn khe suối</li> <li>- Do nước ngọt hóa.</li> <li>- Đê đất, yếu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khởi thông dòng chảy</li> <li>- Tận thu sớm.</li> <li>- Sửa chữa, gia cố đê đập</li> </ul>
				<b>VSMT:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giếng nước bị bẩn do rác, gia súc chết.</li> <li>- Sốt, tiêu chảy nhẹ</li> </ul>	<b>VSMT:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Do rác thải các nơi khác về.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuốc khử trùng.</li> <li>- Có y tế cấp phát thuốc</li> </ul>
T11/2017	Bão	- kèm	Toàn xã	<b>ATCD:</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lượng mưa lớn,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền thông tin</li> </ul>

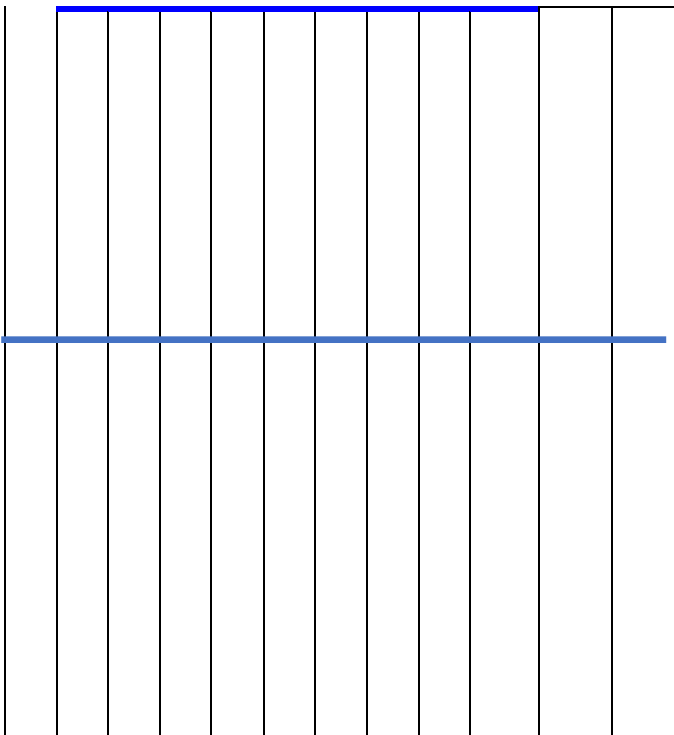
		theo mưa lớn kéo dài		- Đường giao thông bị xói mòn.	nước đổ về nhiều.	cho bà con biết về bão. - Đã phân công BCH, tổ xung kích về các thôn Khơi thông dòng chảy
				<b>SXKD:</b> - Rừng trồng bị thiệt hại. - Ruộng bị cát lấp. - Hoa màu ,cây ăn quả bị thiệt hại. 30%. - Cá lồng chết: 70%. - Nguồn lợi thủy sản trên đầm, phá bị chết.	- Ruộng gần khe, suối. - Trồng gần khe suối	- Tận thu sớm. - Thả cá giống xuống đầm phá để tái tạo lại nguồn lợi thủy sản
				<b>VSMT:</b> Ô nhiễm môi trường nước	- Do nước ngọt hóa. -Do rác thải các nơi khác về.	- Có thuốc khử trùng. - Có y tế cấp phát thuốc

### Công cụ 3: Lịch theo mùa

THIÊN TAI	THÁNG (Dương lịch)												XU HƯỚNG				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12					
Bão																	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đến sớm, bắt thường (đến: tháng 6,7; kết thúc tháng 11, 12), đổ bộ vào đất liền ban đêm (22 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau).</li> <li>- Bão thường thay đổi hướng gió, vào đất liền gió không giảm, kèm theo mưa lớn, gió xoáy.</li> </ul>

Lụt																<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mưa lớn kéo dài, triều cường dâng.</li> <li>- Nước nguồn (sông, suối, hồ, đập) lên nhanh xuống nhanh.</li> </ul>
Rét																<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ xuống thấp hơn trước, ban đêm ở các vùng cao có thời điểm xuống 12-13°C.</li> <li>- Thời gian kéo dài.</li> </ul>
Hạn hán																<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ cao hơn, có thời điểm gần 40°C.</li> <li>- Thời gian nắng nóng trong ngày kéo dài (9 giờ sáng đến 15 giờ chiều)</li> </ul>
<b>HOẠT ĐỘNG KT - XH</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>Ảnh hưởng của thiên tai</b>	<b>Tại sao?</b>	<b>Kinh nghiệm PCTT</b>	
<b>I. Nông nghiệp</b> <b>1.Trồng lúa chiếm 30%</b> <b>thu nhập</b> * Lúa vụ Hè Thu:													* Bão: - Gió lớn, cây lúa đổ, lúa ngập úng, lên mọng. - Chậm phát triển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số diện tích lúa ven phá thấp trũng, nước rút chậm.</li> <li>- Nước không thoát được do</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gieo sạ đúng thời vụ.</li> <li>- Chọn giống ngắn ngày, tăng cường khâu chăm</li> </ul>	

<p>Diện tích 56 ha. Số hộ tham gia SX: 50% trên toàn xã. Nam: 60%, Nữ: 40%</p> <p>* Vụ Đông Xuân: Diện tích 56 ha. Số hộ tham gia SX: 50% trên toàn xã.</p>		<p>* Hạn hán: - Khô làm đất không đúng thời vụ. - Lúa kém phát triển, cháy khô. - Nghẹn đòng, sâu bệnh phát triển</p> <p>→ * Rét: - Lúa mới gieo sạ bạc lá, chậm lên, chết, phải gieo sạ lại dẫn đến trễ vụ</p>	<p>triều cường dâng. - Do thiếu nước.</p> <p>- Rễ không phát triển. - Không thay đổi nước kịp thời</p>	<p>sóc. - Thu hoạch kịp thời (xanh nhà hơn già đòng) - Quan tâm công tác thủy lợi (đào hồ, đắp đập, giữ nước, nạo vét kênh mương). - Tăng cường chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. - Tổ chức thăm đòng thường xuyên để kịp</p>
---	--	---	--	---

<p>Nam: 60%, Nữ: 40%</p> <p><b>2. Hoa màu:</b> Khoai, lạc, ớt, ngô. Diện tích 07 ha (thời gian: cả năm)</p>		<p>- Cây đổ, ngập úng, cháy khô, sâu bệnh, kém phát triển</p>	<p>- Chưa có hệ thống tưới tiêu (thiếu nước vào mùa nắng nóng, ngập úng, gãy đổ vào mùa mưa bão)</p>	<p>thời thay nước mới vào cho lúa.</p> <p>- Các hộ gia đình tự trang bị dụng cụ tưới tiêu phục vụ sản xuất.</p>
---	--	---	--	---

<p><b>II. Ngư nghiệp</b></p> <p>* Khai thác sông đầm.</p> <p>Tham gia: Nam: 50%, Nữ 50%; biên gần bờ:</p> <p>Nam: 80%, Nữ 20%</p> <p>* Nuôi trồng.</p> <p>Nam: 70%, Nữ 30% . Nam làm việc nặng (làm ao, cắm lồng, chạy máy, cho ăn). Nữ phụ cho ăn, phụ thu hoạch đi bán.</p>														<p><b>Bão, lụt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- An toàn tính mạng con người.</li> <li>- Thiệt hại về ngư lưới cụ của ngư dân (nò sáo, lừ, lưới).</li> <li>- Ghe, thuyền chìm, trôi và hư hỏng</li> </ul> <p><b>Hạn hán:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng khai thác thấp</li> </ul> <p><b>Bão, lụt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá, tôm chết và ra ngoài.</li> </ul> <p><b>Hạn hán:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôm, cá chết, chậm phát triển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số người dân thiếu thông tin.</li> <li>- Sóng to, gió lớn, thủy triều dâng.</li> <li>- Chủ quan, lợi dụng thu hoạch của người khác</li> <li>- Nước nóng, các loại thủy hải sản ít sinh sản.</li> <li>- Đê đập hồ bị vỡ, lồng bè nuôi cá trôi (các đê hồ yếu, lồng tạm bợ)</li> <li>- Môi trường nước bị ngọt hóa.</li> <li>- Nước nóng, độ PH cao, môi trường ô nhiễm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên theo dõi thông tin của thiên tai.</li> <li>- Gia cố, thu cất các phương tiện khai thác.</li> <li>- Theo dõi, giám sát, kêu gọi ngư dân đưa ghe thuyền vào nơi trú ẩn an toàn (âu thuyền).</li> <li>- Giảm thời gian và phương tiện khai thác.</li> <li>- Kiên cố đê đập, chắn thêm lưới để hạn chế tôm cá ra ngoài.</li> <li>- Thu hoạch sớm.</li> <li>- Lắp quạt nước và bơm nước vào.</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



<p><b>IV. Dịch vụ buôn bán nhỏ chiếm 5% thu nhập.</b></p> <p>Tham gia sản xuất: Nam: 20%, Nữ 80%</p>													<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường giao thông đi lại khó khăn, thiếu hàng hóa, thu nhập không ổn định</li> <li>- Lụt làm ngập quán, làm cho hàng hóa bị ẩm ướt, hư hỏng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao thông ách tắc, không đi lại được, hàng hóa ít, giá cả tăng</li> <li>- Lều quán còn tạm bợ. Chợ nhỏ, không đủ hàng hóa nên phải đi xa để mua bán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích trữ hàng hóa để sử dụng.</li> <li>- Tháo dỡ hoặc chằng chống các lều, quán buôn bán ở biển khi về mùa mưa bão.</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---	--	---

#### Công cụ 4: Kết quả sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai

THIÊN TAI	XU HƯỚNG	TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TÔN THƯƠNG	NĂNG LỰC PCTT	RỦI RO THIÊN TAI
<b>Bão</b> <b>Lụt</b> <b>Hạn</b> <b>hán</b> <b>Rét</b>	- Ngày càng tăng về số lượng cơn bão. - Theo dự báo thì bão	<b>1. An toàn cộng đồng</b> <b>Vật chất</b> - Có khoảng 23% nhà ở ven sông đầm chịu ảnh hưởng của lũ do mưa bão: + Thôn Tân An: có 15 nhà + Thôn MGP: có 20 nhà + Thôn Hòa An: có 25 nhà	<b>1. An toàn cộng đồng</b> <b>Vật chất</b> - Khoảng 15% nhà ở kiên cố đảm bảo cho công tác sơ tán, trú ẩn của bà con. - Tất cả các thôn đều có lực lượng cơ động, xung kích đảm bảo kịp thời giúp đỡ bà con sơ tán, chằng	<b>1. An toàn cộng đồng</b> <b>Vật chất</b> - Nhà có nguy cơ tốc mái, sập, mất mát tài sản. - Giao thông: Đường đất lầy lội, nhỏ hẹp, khó khăn trong lúc vận chuyển di dời tài sản (Xóm tân Bình).



<p>ngày càng mạnh, tuy nhiên ở địa phương chưa bị ảnh hưởng trực tiếp do tâm bão, chỉ chịu ảnh hưởng ở vùng gần tâm bão.</p>	<p>+ Thôn Tân An Hải: 65 nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoảng 84% nhà ở bán kiên cố, 10 nhà tạm (chiếm 1.8%, MGP 2 nhà, Hòa An 5 nhà, TAH 3 nhà).</li> <li>- Có 65 hộ phải sơ tán khi có sạt lở (Tân An 12 hộ, Mai Gia Phường 24 hộ, Hòa An 17 hộ, Tân An Hải 12 hộ).</li> <li>- Trạm y tế thiếu phương tiện, trang thiết bị, đường từ các thôn dẫn đến trạm y tế xã khá xa đi lại khó khăn.</li> <li>- Đường điện dây nhỏ, dây trần, kéo dài, dễ bị đứt, chập điện.</li> <li>- Đường liên xã, liên thôn hiểm trở, độ dốc cao, dễ bị sạt lở</li> <li>- Hệ thống truyền thanh hữu tuyến dễ bị đứt do dây dẫn nhỏ, trụ yếu, cây cối nhiều. Thôn Tân An Hải có 02 cụm loa tuy nhiên 01 cụm loa tại xóm Đồng Đò đã hư hỏng, địa hình thôn khá phức tạp, trải dài nên không đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin của người dân.</li> </ul>	<p>chống, gia cố nhà cửa. Lực lượng này đa số đã được tham gia lớp tập huấn nâng cao kỹ năng ứng cứu, sơ cứu người khi đuối nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện giao thông đảm bảo công tác sơ tán, ứng cứu (07 xe ben, 01 xe xúc, 08 ô tô các loại, 01 thuyền cứu hộ và hơn 280 thuyền lớn nhỏ của ngư dân), 06 máy cưa, áo phao 45 cái, phao cứu sinh 80 cái phân đều cho các thôn.</li> <li>- Có 01 hệ thống truyền thanh (08 cụm loa: Tân An 01 cụm, Mai Gia Phường 02 cụm, Hòa An 03 cụm, Tân An Hải 02 cụm), 5 loa cầm tay được trang bị cho các thôn. Đặc biệt 100% hộ dân đều có điện thoại di động, 07 trạm thu phát viễn thông (thôn Mai Gia Phường 2 trạm, Hòa An 03 trạm, Tân An Hải 02 trạm) đảm bảo thông tin liên lạc khi cần thiết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân không nắm thông tin kịp thời các kế hoạch phòng chống bão của UBND xã</li> <li>- Trẻ em có nguy cơ đuối nước ở vùng ngập lụt</li> </ul>
--	--	---	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ đơn thân, mang thai chiếm &gt;45%. Đặc biệt số trẻ em trong độ tuổi từ 1 đến 7 tuổi không biết bơi khá nhiều.</li> <li>- Hệ thống đường bê tông tại xóm Ngoài thôn Mai Gia Phường thấp dễ bị ngập lụt gây nguy hiểm trong việc đi lại của người dân.</li> </ul>		
	<p><b>2. Sản xuất kinh doanh</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Nông nghiệp:</b></li> <li>- Diện tích lúa, hoa màu gần các khe suối dễ bị cát vùi lấp do mưa bão: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thôn Tân An: khoảng 4.5 ha quanh khu vực khe suối Đình làng, các khe ở núi Gành Quận</li> <li>+ Thôn Mai Gia Phường: khoảng 7 ha quanh khu vực khe Đá Bàn, khe Xoài.</li> <li>+ Thôn Hòa An: khoảng 10 ha quanh khu vực khe Mê.</li> <li>+ Vào cuối tháng 9-10 thường có mưa</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất kinh doanh</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh nghiệm chọn giống của người dân khá phong phú phần nào làm giảm thiệt hại khi mùa mưa bão đến.</li> <li>- Công trình thủy lợi &gt;75% được bê tông hóa.(tưới tốt)</li> <li>- Người dân, chính quyền địa phương tích cực tìm nguồn tiêu thụ với mức giá hợp lý trước mùa mưa bão để hạn chế thiệt hại.</li> <li>- Có 01 HTX Nông nghiệp, 04 đội sản xuất, trong đó 03 đội sản xuất</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất kinh doanh</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương thủy lợi được bê tông hóa &gt; 75% (tưới tốt).</li> <li>- Có 01 HTX Nông nghiệp, 04 đội sản xuất, trong đó 03 đội sản xuất phát huy tốt vai trò điều hành.</li> <li>- Hệ thống đập ngăn để giữ nước tưới đã xây dựng trên 04 đội</li> <li>- HTX, các đội sản xuất theo dõi tình hình rét để</li> </ul>

	<p>lớn, lốc xoáy gây hư hại cho phần lớn diện tích lúa Hè Thu chưa thu hoạch.</p> <p>+ Các công trình thủy lợi dễ bị hư hại.</p> <p>- Khoảng 25% kênh mương chưa được bê tông hóa. Chân ruộng thấp ven khe suối và đằm phá, các công trình thủy lợi dễ bị hư hại.</p> <p>- <b>Tổ chức:</b> HTX Nông nghiệp Tân Hòa chưa phát huy vai trò điều hành đối với các đội sản xuất và xã viên (đội 2 không có đội trưởng sản xuất).</p> <p>- Một số chân ruộng cao, những nơi kênh mương chưa được bê tông hóa, thiếu nước tưới tiêu</p> <p>- Vụ Đông Xuân (04 đội)</p> <p>- Lúa gieo sạ trồng vào thời điểm rét đậm, rét hại.</p> <p>- <b>Lâm nghiệp:</b> cây tràm, keo dễ gãy, đổ do gió bão</p> <p>+ Thôn Tân An: khoảng 8 ha</p> <p>+ Thôn Mai Gia Phường: khoảng 7 ha</p> <p>+ Thôn Hòa An: khoảng 10 ha</p> <p>+ Thôn Tân An Hải: 13 ha</p>	<p>phát huy tốt vai trò điều hành.</p> <p>- Hệ thống đập ngăn để giữ nước tưới tiêu đã xây dựng trên 04 đội</p> <p>- HTX, các đội sản xuất theo dõi tình hình rét để thông tin cho bà con xã viên thường xuyên thăm đồng để kịp thời phòng chống.</p> <p>Các hộ gia đình đầu tư chăm sóc, mua sắm các dụng cụ để phục vụ sản xuất.</p>	<p>thông tin cho bà con xã viên thường xuyên thăm đồng để kịp thời phòng chống.</p>
--	--	--	---

	<p>- <b>Ngư nghiệp:</b> diện tích nuôi trồng thủy sản 30 ha (hồ nuôi tôm cá, mặt nước nuôi cá lồng)</p> <p>+ Các ao nuôi có nguy cơ bị vỡ đê gây thất thoát, mất mát khoảng 11 ha hồ thấp triều. 7 ha tôm có nguy cơ thiếu ô xi khi mất điện.</p> <p>+ Cá nuôi lồng thả vào tháng 2-3 hàng năm, vào mùa nắng nóng, mùa bão lụt có nguy cơ chết do ngọt hóa, ô nhiễm môi trường nước do nước nguồn về có hòa tan đất đỏ bazan.</p> <p>+ Có 71 trọt sáo trải đều 3 thôn (thôn Mai Gia Phường, thôn Hòa An và xóm Tân Bình thuộc thôn Tân An Hải), 17 trọt đày thuộc xóm An Bình thôn Tân An Hải có nguy cơ bị hư hỏng, mất mát do gió bão kết hợp nước lũ chảy mạnh.</p> <p>+ Lao động nam giới có nguy cơ nguy hiểm đến tính mạng trong mùa mưa bão do tính chất nghề nò sáo, nghề đày phải</p>	<p>- Gia cố bờ đê hồ, giăng lưới bảo vệ giảm thất thoát khi vỡ đê hồ. Có máy phát điện đảm bảo cung cấp đủ điện cho ao nuôi.</p> <p>- Chọn giống nuôi phù hợp, thu hoạch trước mùa mưa bão.</p> <p>- Gia cố, thay mới ngư cụ vào mùa mưa bão.</p> <p>- Tập huấn, tuyên truyền nâng cao ý thức, bảo vệ tính mạng.</p> <p>- 01 âu thuyền tại thôn Mai Gia Phường đảm bảo neo đậu cho hơn 50 thuyền.</p>	<p>- Rừng gậy: Giá thành giảm, trọng lượng giảm (Cây bị khô) Rừng dưới 03 năm tuổi mất trắng</p> <p>- Nò sáo: Dễ hư hỏng, cuốn trôi ngư lưới cụ.</p> <p>- Ghe thuyền: Có nguy cơ bị gió đập vỡ, chìm, cuốn trôi (Không có nơi neo đậu an toàn).</p> <p>- Tôm: Chậm lớn, dịch bệnh, thất thoát do vỡ đê.</p> <p>- Đánh bắt thủy sản: Hư hỏng, mất mát dụng cụ, phương tiện. giá sản phẩm giảm.</p>
--	--	---	---

	<p>khai thác khi bão vừa đi qua.</p> <p>+ Khoảng 230 thuyền lớn nhỏ chưa có nơi neo đậu an toàn trong đó: thôn Mai Gia Phường có khoảng 65 thuyền, thôn Hòa An có 35 thuyền, thôn Tân An Hải 130 thuyền.</p>		
	<p><b>3. Vệ sinh môi trường</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoảng 5% hộ dân sống ven sông đầm chưa có nhà vệ sinh. Đặc biệt: thôn Mai Gia Phường khoảng 12 hộ, thôn Hòa An khoảng 5 hộ, thôn Tân An Hải khoảng 8 hộ.</li> <li>- Tỷ lệ sử dụng nước sạch chiếm 98%, tuy nhiên hệ thống nước sạch chỉ được dẫn từ các nguồn trên núi cao về các bể chứa để cung cấp cho người dân nên mùa mưa bão thường bị ô nhiễm bởi đất đỏ bazan.</li> <li>- Hệ thống đường bê tông tại xóm Ngoài thôn Mai Gia Phường thấp dễ bị ngập lụt</li> </ul>	<p><b>3. Vệ sinh môi trường</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 trạm y tế (01 bác sĩ, 01 y sĩ đông y, 03 điều dưỡng), các thôn đều có cán bộ y tế thôn bản có trang bị hộp thuốc.</li> <li>- 95% hộ dân có nhà vệ sinh</li> <li>- Lượng cloramin B được cung cấp đầy đủ để xử lý nước khi cần thiết.</li> </ul>	<p><b>3. Vệ sinh môi trường</b></p> <p><b>Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm môi trường</li> <li>- Con người: Nguy cơ bệnh ngoài da đối với người tham gia trực tiếp lao động trên sông đầm, trẻ em dễ bị tiêu chảy</li> </ul>

		dẫn đến các bệnh ngoài da cho người dân về mùa mưa bão.		
--	--	---	--	--

### Công cụ 5. Điểm mạnh và điểm yếu trong công tác PCTT

STT	HẠNG MỤC	ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
1	Năng lực bộ máy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hệ thống Chính trị thôn, BCH thôn.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai.</li> <li>- 4/4 thôn thành lập đội xung kích (15 người/đội).</li> <li>- Tổ chức tuyên truyền về phòng chống Thiên tai, huy động lực lượng khi có thiên tai xảy ra.</li> <li>- Tổ chức triển khai kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho lực lượng xung kích.</li> <li>- Chỉ đạo lực lượng giúp dân di dời những vùng thấp trũng và vùng có nguy cơ sạt lở đến nơi an toàn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa được tập huấn thường xuyên.</li> <li>- Lực lượng xung kích còn mỏng.</li> <li>- Do điều kiện sản xuất kinh doanh nên lực lượng hoạt động không đồng đều.</li> <li>- Kinh phí phục vụ công tác phòng chống thiên tai chưa có.</li> </ul>
2	Hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có loa cầm tay 4 cái/4 thôn.</li> <li>- Có 8 cụm loa cố định của xã rải đều trên 4 thôn trong đó: Tân An 02 cụm; Mai Gia Phường 02; Hòa An 03; Tân An Hải 1.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống loa truyền thanh xã bị hư hỏng chưa khắc phục (Thôn: Tân An, Mai Gia Phường, Tân An Hải, riêng 02 cụ dân cư</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% hộ dân có phương tiện nghe nhìn.</li> <li>- Công tác tuyên truyền miệng kịp thời.</li> </ul>	An Bình, Hải Bình chưa có hệ thống loa của xã).
3	Công trình phòng chống thiên tai.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nhà kiên cố: trong đó Tân An 4/68 hộ; Mai Gia Phường 20/130 hộ; Hòa An 15/170 hộ; Tân An Hải: 20/180 hộ</li> <li>- Cơ trụ sở UBND xã, trường PT cấp 1,2; Trường Mầm non và trạm Y tế xã (Thôn Hòa An).</li> <li>- Có công trình giao thông kiên cố: Đường Beetoong (Tân An: 02 km; Mai Gia Phường: 04; Hòa An: 02 km; Tân An Hải 01 km).</li> <li>- Có 01 âu thuyền tránh bão (Thôn Mai Gia phường)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà bán kiên cố tỷ lệ còn cao chiếm hơn 70%.</li> <li>- Các điểm trường học, nhà VH thôn chưa được kiên cố (Thôn Tân An, Mai Gia phường, Tân An Hải).</li> <li>- Có nguy cơ ngập lụt, sạt lở những điểm thấp trũng, dọc bờ khe, suối/4 thôn.</li> <li>- Diện tích âu thuyền nhỏ, không đủ các tàu thuyền vào neo đậu. Chưa có âu thuyền tránh bão (Hòa An, Tân An Hải).</li> </ul>
4	Phương châm 4 tại chỗ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ huy tại chỗ/4 Thôn.</li> <li>- Lực lượng tại chỗ: Đội Xung Kích 4/4 Thôn.</li> <li>+ Phối hợp đồn biên phòng Vinh Hiền, Công An Huyện Phú Lộc.</li> <li>- Phương tiện tại chỗ: xe Ben 6 chiếc, xe tải 03 chiếc, ô tô 7 chỗ 04 chiếc, xe mốp 3 chiếc, máy cưa 20 cái, máy phát 25 cái, thuyền máy 60 chiếc (4/4 thôn).</li> <li>- Hậu cần tại chỗ: Chuẩn bị lương thực để đáp ứng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa bám sát chỉ đạo kịp thời cho lực lượng, thiếu năng lực chỉ huy.</li> <li>- Lực lượng còn mỏng do địa bàn kéo dài, tính tự giác chưa cao.</li> <li>- Phường tiện còn thiếu như áo phao, xe vận chuyển</li> <li>- Dự trữ lương thực thực phẩm chưa đáp ứng nhu cầu. Chưa có cán bộ y tế bám sát lực lượng để sơ cấp cứu khi có rủi ro xảy ra.</li> </ul>
5	Ý thức, năng lực của người dân.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân ý thức được về phòng chống thiên tai.</li> <li>- Có kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số độ dân còn chủ quan, trông chờ ỉ lại.</li> <li>- Tỷ lệ người già, phụ nữ đơn thân, trẻ</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp đỡ nhau khi có thiên tai xảy ra.</li> <li>- Tự chủ, bảo quản được tài sản, dự trữ được lương thực, thực phẩm ở các hộ dân.</li> </ul>	<p>em còn cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tinh thần tương trợ lẫn nhau của một số hộ dân chưa cao, kinh nghiệm về phòng chống chưa cao</li> </ul>
--	--	---	---

### Công cụ 6: Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai

THIÊN TAI	XU HƯỚNG	TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TÔN THƯƠNG	NĂNG LỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	RỦI RO THIÊN TAI
Bão lụt		<p><b>Nông nghiệp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ Hè Thu (4 đội)</li> <li>1. Vật chất: Khoảng 15% kênh mương chưa được bê tông hóa. Chân ruộng thấp ven khe suối và đầm phá.</li> <li>2. Tổ chức: HTX Nông nghiệp Tân Hòa chưa phát huy vai trò điều hành đối với các đội sản xuất và xã viên (đội 2 không có đội trưởng sản xuất).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương thủy lợi được bê tông hóa khoảng 85% (tưới tốt).</li> <li>- Có 01 HTX Nông nghiệp, 04 đội sản xuất, trong đó 03 đội sản xuất phát huy tốt vai trò điều hành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa ngập úng, lên mọng vào thời điểm thu hoạch.</li> <li>- Không đảm bảo lịch thời vụ, tự phát trong các khâu chọn giống, làm đất, chăm sóc và thu hoạch.</li> </ul>
Hạn hán		<p>Vật chất: Một số chân ruộng cao, những nơi kênh mương chưa được bê tông hóa, thiếu nước tưới tiêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đập ngăn để giữ nước tưới tiêu đã xây dựng trên 04 đội</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu nước tưới cho vụ Hè Thu khoảng 5 ha (tháng 7) dẫn đến lúa nghẹn đòng, sâu bệnh phát triển.</li> </ul>



<p>Rét</p>	<p>- Vụ Đông Xuân (04 đội)          Vật chất: Lúa gieo sạ trồng vào thời điểm rét đậm, rét hại</p> <p>- <b>Lâm nghiệp:</b> cây tràm, keo dễ gãy, đổ do gió bão          + Thôn Tân An: khoảng 8 ha          + Thôn Mai Gia Phường: khoảng 7 ha          + Thôn Hòa An: khoảng 10 ha          + Thôn Tân An Hải: 13 ha</p> <p>- <b>Ngư nghiệp:</b> diện tích nuôi trồng thủy sản 30 ha (hồ nuôi tôm cá, mặt nước nuôi cá lồng)          + Các ao nuôi có nguy cơ bị vỡ đê gây thất thoát, mất mát khoảng 11 ha hồ thấp triều. 7 ha tôm có nguy cơ thiếu ô xi khi mất điện.          + Cá nuôi lồng thả vào tháng 2-3hàng năm, vào mùa nắng nóng, mùa bão lụt có nguy cơ chết do ngọt hóa, ô nhiễm môi</p>	<p>- HTX, các đội sản xuất theo dõi tình hình rét để thông tin cho bà con xã viên thường xuyên thăm đồng để kịp thời phòng chống.</p> <p>- Các hộ gia đình đầu tư chăm sóc, mua sắm các dụng cụ để phục vụ sản xuất.</p> <p>- Gia cố bờ đê hồ, giăng lưới bảo vệ giảm thất thoát khi vỡ đê hồ. Có máy phát điện đảm bảo cung cấp đủ điện cho ao nuôi.</p> <p>- Chọn giống nuôi phù hợp, thu hoạch trước mùa mưa bão.</p> <p>- Gia cố, thay mới ngư cụ vào mùa mưa bão.</p> <p>- Tập huấn, tuyên truyền nâng cao ý thức,</p>	<p>- Lúa bạc lá, chậm phát triển, chết, phải gieo sạ lại dẫn đến chậm thời vụ và sâu bệnh.</p> <p>- Rừng gãy: Giá thành giảm, trọng lượng giảm.(Cây bị khô) Rừng dưới 3 năm tuổi mất trắng.</p> <p>- Nò sáo: Dễ hư hỏng, cuốn trôi ngư lưới cụ.</p> <p>- Ghe thuyền: Có nguy cơ bị gió đập vỡ, chìm, cuốn trôi (Không có nơi neo đậu an toàn).</p> <p>- Tôm: Chậm lớn, dịch bệnh, thất thoát do vỡ đê.</p>
------------	--	---	--

	<p>trường nước do nước nguồn về có hòa tan đất đỏ bazan.</p> <p>+ Có 71 trộ sáo trải đều 3 thôn (thôn Mai Gia Phường, thôn Hòa An và xóm Tân Bình thuộc thôn Tân An Hải), 17 trộ đá thuộc xóm An Bình thôn Tân An Hải có nguy cơ bị hư hỏng, mất mát do gió bão kết hợp nước lũ chảy mạnh.</p> <p>+ Lao động nam giới có nguy cơ nguy hiểm đến tính mạng trong mùa mưa bão do tính chất nghề nò sáo, nghề đá phải khai thác khi bão vừa đi qua.</p> <p>+ Khoảng 230 thuyền lớn nhỏ chưa có nơi neo đậu an toàn trong đó: thôn Mai Gia Phường có khoảng 65 thuyền, thôn Hòa An có 35 thuyền, thôn Tân An Hải 130 thuyền.</p> <p><b><i>Kinh doanh dịch vụ và buôn bán nhỏ:</i></b></p> <p>+ Các quán buôn bán phục vụ du lịch ở Biên thôn Tân An Hải có thể bị sóng vỗ sập đổ và nước cuốn trôi.</p> <p>+ Hàng hóa hư hỏng không đủ bán cho người dân.</p>	<p>bảo vệ tính mạng.</p> <p>- 01 âu thuyền tại thôn Mai Gia Phường đảm bảo neo đậu cho hơn 50 thuyền.</p> <p>Một số hộ kinh doanh đã trang bị các phương tiện để phòng tránh.</p> <p>Có kho trữ hàng hóa.</p>	<p>- Đánh bắt thủy sản: Hư hỏng, mất mát dụng cụ, phương tiện. giá sản phẩm giảm.</p> <p>Tháo dỡ và chằng chống các quán</p>
--	--	---	--

				buôn bán không đảm bảo. - Xây dựng kho trữ hàng đảm bảo và mua thêm hàng dự trữ.
--	--	--	--	---

**Công cụ 7**

**Bảng 7.1: Tổng hợp xếp hạng RRTT**

**Xã Lộc Bình**

**Số người tham gia xếp hạng**

**Nam : 21**

**Nữ: 18**

Rủ ro thiên tai	Số phiếu cho các thông tin		Tổng số phiếu	Thứ tự xếp hạng
	Nam	Nữ		
- Lúa Đông Xuân bạc lá, chậm phát triển, chết phải gieo sạ lại	30	46	76	<b>2</b>
- Lúa HT ngập úng, lên mọng thời điểm thu hoạch	24	4	28	<b>6</b>
- Hoa màu ngập úng vào mùa mưa	0	4	4	<b>10</b>
- Thiếu nước tưới cho hoa màu và lúa Hè Thu	8	27	35	<b>5</b>
- Các loại thủy sản chậm phát triển, ít sản sinh do nước nóng và ô nhiễm môi trường	17	7	24	<b>7<sup>+</sup></b>
- Phương tiện khai thác thủy hải sản và nuôi trồng có thể bị thiệt hại (ghe, thuyền, ngư lưới cụ)	3	37	40	<b>4</b>
- Thiếu an toàn về tính mạng con người	2	6	8	<b>9<sup>+</sup></b>
- Nguy cơ bệnh ngoài da (nhóm làm nghề)	0	8	8	<b>9</b>
- Trẻ em có nguy cơ đuối nước ở vùng ngập lụt	0	16	16	<b>8</b>

- Đường sá bị ngập, đi lại thiếu an toàn	13	11	24	<b>7</b>
- Ô nhiễm môi trường do thiếu nhà vệ sinh	19	26	45	<b>3</b>
- Nhà cửa có nguy cơ ảnh hưởng (sập, ngập, tóe mái)	39	48	87	<b>1</b>

**Bảng 7.2: Tổng hợp xếp hạng giải pháp PCTT**

**Xã Lộc Bình**

**Số người tham gia xếp hạng**

**Nam : 21**

**Nữ: 18**

<b>Giải pháp</b>	<b>Số phiếu cho các thông tin</b>		<b>Tổng số phiếu</b>	<b>Thứ tự xếp hạng</b>
	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>		
Xây dựng nâng cấp nhà ở kiên cố hơn	30	20	50	<b>2</b>
Chằng chống gia cố nhà cửa mùa mưa bão	14	26	40	<b>5</b>
Cung cấp kiến thức về kĩ thuật xây dựng nhà ở chống bão	0	12	12	<b>13</b>
HTX đưa lịch thời vụ kịp thời cho xã viên	21	8	29	<b>9</b>
Tổ chức các lớp tập huấn về khả năng chăm sóc	16	17	33	<b>8</b>
Đề xuất hỗ trợ kinh phí cho giống lúa phù hợp	21	13	34	<b>7</b>
Tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người dân	14	34	48	<b>3</b>

để biết cách phân loại rác				
Xây nhà vệ sinh cho những hộ chưa có	9	7	16	<b>12</b>
Gia cố, thay mới ngư cụ trước mùa mưa bão	11	47	58	<b>1</b>
Quy hoạch xây dựng thêm âu thuyền	22	20	42	<b>4</b>
Gia cố bờ đê ao hồ	9	12	21	<b>10</b>
Chọn giống lúa ngắn ngày đưa vào gieo sạ để đảm bảo thu hoạch trước mùa mưa bão	8	21	29	<b>9<sup>+</sup></b>
Đề xuất hỗ trợ kinh phí sửa chữa kênh mương	11	24	35	<b>6</b>
Đề xuất hỗ trợ kinh phí xây dựng hồ chứa nước	16	4	20	<b>11</b>

**Công cụ 8: Phân tích nguyên nhân**

STT	Rủi ro thiên tai	Nguyên nhân (Trực tiếp; Gián tiếp)	Giải pháp
1	Nhà ở có nguy cơ ảnh hưởng (sập, ngập, tốc mái)	- Một số nhà xây dựng chưa đúng quy trình kỹ thuật	- Xây dựng, nâng cấp nhà ở kiên cố
		- Người già nhiều ảnh hưởng đến khả năng gia cố chằng chống nhà cửa	- Chằng chống, gia cố nhà cửa mùa mưa bão
		- Gió bão lớn	- Ủy ban nhân dân xã thành lập Tổ Thanh niên xung kích giúp những hộ già, neo đơn.
		- Nhà yếu, nhà bán kiên cố 75% (nhà cấp 4, nhà lâu năm, nhà tạm không bê tông cốt thép)	- Trồng cây chắn gió, xây kè, khơi thông khe suối
		- Vị trí nhà ở và hướng gió ảnh hưởng chung trên toàn xã, ven khe suối	- Trồng cây chắn gió, xây kè, khơi thông khe suối
		- Địa chất xấu, sạt lở khi đào đất, đào hố móng, do trời mưa	- Kiểm tra địa chất đất, gia cố xây tường ngăn không cho việc lở đất xảy ra, hạn chế xây nhà vào mùa mưa.
		- Không có khảo sát và biện pháp thi công	- Cần khảo sát kỹ và đào thăm dò
2	Lúa Đông Xuân bạc lá, chậm phát triển, chết phải gieo sạ lại	- Giống lúa chưa phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng và thiếu kinh phí	- Đề xuất hỗ trợ kinh phí chọn giống lúa phù hợp

		- Khâu quản lý Hợp tác xã không đưa lịch thời vụ kịp thời	- Hợp tác xã tập trung chỉ đạo, triển khai lịch thời vụ kịp thời
		- Chưa tham gia tập huấn đầy đủ (nông nghiệp IBM)	- Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng chăm sóc, bảo vệ lúa
<b>3</b>	Ô nhiễm môi trường	- Thải rác không đúng nơi quy định, phân loại rác chưa hợp lý	- Tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức cho người dân về cách phân loại rác thải tại nguồn.
		- Người dân thiếu ý thức trong vấn đề vệ sinh	- Xây nhà vệ sinh cho những hộ chưa có
		- Xác chết động vật, bèo, những loại rác ở nơi khác	- Tuyên truyền các hộ gia đình có ý thức phân loại, xử lý và huy động lực lượng cộng đồng
		- Ô nhiễm nguồn nước giếng đào, thiếu nước sạch sử dụng trong sinh hoạt	- Làm vệ sinh, xử lý thuốc Cloramin B, nạo vét khơi thông đầu nguồn nước
<b>4</b>	Phương tiện và khai thác thủy hải sản và nuôi trồng có thể bị thiệt hại (ghe, thuyền, ngư lưới cụ)	- Nơi neo đậu an toàn (không có âu thuyền)	- Quy hoạch, xây dựng thêm âu thuyền
		- Vỡ đê ao nuôi khi triều dâng kết hợp nước lũ về	- Gia cố bờ đê
		- Không thu gom ngư lưới cụ khi gió bao đến	- Gia cố, thay mới ngư cụ để hạn chế thiệt hại
<b>5</b>	Thiếu nước tưới tiêu hoa màu và lúa	- Một số người dân chưa có ý thức	- Nâng cao ý thức bảo vệ



	Hè Thu	bảo vệ đê đập, kênh mương (đục khoét kênh mương)	kênh mương và có biện pháp xử lý đối với những đối tượng vi phạm
		- Chưa có hồ để dự trữ nước	- Đề xuất hỗ trợ kinh phí xây dựng hồ chứa nước
		- Đê đập, kênh mương chưa đảm bảo dẫn đến thất thoát nước	- Đề xuất hỗ trợ kinh phí sửa chữa đê đập, kênh mương.
		- Đoạn kênh mương bị vùi lấp chưa được nạo vét (từ nhà ông Toàn đến ông Thắng, thôn Hòa An)	- Hợp tác xã cần có kế hoạch nạo vét kênh mương trước vụ mùa.
		- Năng nóng kéo dài	- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý
		- Môi trường sinh thái bị phá hoại do nạn chặt phá rừng bừa bãi	- Trồng cây gây rừng khôi phục hệ sinh thái
		- Sử dụng và quản lý tài nguyên nước không hợp lý	- Mỗi người cần nhận thức rõ tầm quan trọng của nước để sử dụng một cách tiết kiệm
6	Lúa Hè Thu ngập úng, nảy mầm vào thời điểm thu hoạch	- Chọn giống vụ lúa Hè Thu không phù hợp thời vụ, kéo dài thời gian	- Chọn giống lúa ngắn ngày đưa vào gieo sạ để thu hoạch trước mùa mưa bão.
		- Giống xác nhận ngắn ngày giá cao, tỷ lệ đưa giống xác nhận vụ hè Thu còn thấp	- Tuyên truyền, vận động, khuyến khích, hướng dẫn bà con đưa lúa xác nhận vào vụ Hè Thu đạt hiệu quả cao

### **Công cụ 9: Tổng hợp giải pháp PCTT theo thứ tự ưu tiên**

<b>Thứ tự ưu tiên</b>	<b>Giải pháp PCTT</b>	<b>Hoạt động</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>
<b>1</b>	Gia cố, thay mới ngư cụ trước mùa mưa bão	- Kiểm tra các phương tiện, dụng cụ đánh bắt, nuôi trồng. - Chuẩn bị kinh phí mua mới, sửa chữa ngư lưới cụ.
<b>2</b>	Xây dựng nâng cấp nhà ở kiên cố hơn	- Rà soát, chọn đối tượng, lập sách ưu tiên. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về nhà ở an toàn
<b>3</b>	Tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người dân để biết cách phân loại rác	- Lập kế hoạch phát thanh tuyên truyền - Lòng ghép vào các cuộc họp tại thôn, xã
<b>4</b>	Quy hoạch xây dựng thêm âu thuyền	- Khảo sát vị trí, lấy ý kiến cộng đồng - Xây dựng kế hoạch, nhu cầu kinh phí - Vận động hiến đất.
<b>5</b>	Chằng chống gia cố nhà cửa mùa mưa bão	- Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao nhận thức. - Tập huấn kỹ thuật giá cố, chằng chống nhà cho người dân
<b>6</b>	Đề xuất hỗ trợ kinh phí sửa chữa kênh mương	- Kiểm tra, rà soát các tuyến kênh mương hư hỏng, xuống cấp - Xây dựng kế hoạch nhu cầu kinh phí

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Bá Chiêm**